



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City
T (84 225) 3836 892 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Số: 51 GGT-ĐHHL

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận Q2.2020 so với Q2.2019, chuyển từ lỗ năm trước sang lãi năm nay

No.: GGT-ĐHHL

Regarding explaining the reason for profit difference between Q2.2020 vs. Q2.2019, transfer from loss to profit.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2020
Hai Phong Jul 18th, 2020

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận Quý 2 năm 2020 so với Quý 2 năm 2019 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between Q2.2020 vs. Q2.2019 from the Statement on profit and loss of Company and consolidated as follows:

Báo cáo Công ty mẹ/ Parent company Statement:

DVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2020/ Quarter II.2020	Quý II.2019/ Quarter II.2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	132.379	89.641	42.738	48%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	1.060	1.410	(0.350)	-25%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	131.319	88.231	43.088	49%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold, and services rendered	95.940	65.732	30.208	46%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	35.379	22.499	12.880	57%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.028	0.003	0.025	747%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1.040	0.333	0.708	213%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	0.865	0.327	0.539	165%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	20.939	17.751	3.187	18%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	5.365	5.915	(0.550)	-9%



Chỉ tiêu	Item	Quý II.2020/ Quarter II.2020	Quý II.2019/ Quarter II.2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	8.063	(1.496)	9.559	639%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.015	0.213	(0.198)	-93%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.038	0.060	(0.022)	-37%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	(0.023)	0.153	(0.176)	-115%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	8.040	(1.343)	9.383	698%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	1.620	-	1.620	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	6.420	(1.343)	7.763	578%

Báo cáo hợp nhất/ Consolidated statement:

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2020/ Quarter II.2020	Quý II.2019/ Quarter II.2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	176.557	128.831	47.725	37%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	1.808	1.204	0.604	50%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	174.748	127.627	47.121	37%
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	131.883	99.106	32.777	33%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	42.865	28.522	14.343	50%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	0.690	0.445	0.245	55%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	1.995	0.882	1.112	126%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1.276	0.553	0.722	131%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	22.297	19.120	3.176	17%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	7.753	8.165	(0.413)	-5%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	<i>Operating profit</i>	11.511	0.799	10.712	1340%
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.015	0.047	(0.032)	-69%

Chỉ tiêu	Item	Quý II.2020/ Quarter II.2020	Quý II.2019/ Quarter II.2019	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
12. Chi phí khác	Other expenses	0.075	0.060	0.015	24%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profit	(0.060)	(0.013)	(0.047)	362%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Net profit before tax	11.451	0.786	10.665	1356%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	2.212	0.239	1.973	827%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Net profit after tax	9.239	0.548	8.692	1587%

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ Quý 2 năm 2020 là lãi 6,4 tỷ, tức là tăng 7,7 tỷ, tương ứng tăng 578% so với cùng kỳ năm 2019 và thuộc trường hợp chuyển từ lỗ năm trước sang lãi năm nay. Nguyên nhân chủ yếu là trong Quý 2 năm 2020 doanh thu bán hàng tăng 48% (phát triển các kênh bán hàng mới, nhu cầu thị trường tăng mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19...), trong khi quản lý doanh nghiệp giảm 9% so với năm 2019 nên lợi nhuận đạt 8 tỷ trước thuế và 6,4 tỷ sau thuế.

The net profit after tax of parent company in Quarter II.2020 achieved 6,4 billion, increased 7,7 billion, equivalent to 578% compared with the same period in 2019, belongs to the case transfer from loss in previous year to profit in this year. The explanation for this is the sales revenue in Quarter II.2020 increased 48% (new sales channels development, the high increase in market demand caused by Covid-19 outbreak ...), while administration expenses dropped sharply, decreased 9% compared with 2019, therefore the profit reached 8 billion before tax and 6,4 billion after tax.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý 2 năm 2020 đạt 9,2 tỷ, tăng 8,6 tỷ, tương ứng tăng 1587% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng mạnh (cả doanh thu nội địa và doanh thu xuất khẩu) cùng với việc kiểm soát chi phí chặt chẽ nên kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2020 là lãi 11,4 tỷ trước thuế và 9,2 tỷ sau thuế, thuộc trường hợp chuyển từ lỗ năm trước chuyển sang lãi năm nay.

The net profit after tax of consolidated report of Quarter II.2020 achieved 9,2 billion, increased 8,6 billion, equivalent to 1587% compared with the same period in 2019. The explanation for this is due to the high increase in sales revenue (both domestic and exports revenue) and tight cost control, so the business results in Quarter II.2020 achieved 11.4 billion profit before tax and 9,2 billion profit after tax, belongs to the case transfer from loss in previous year to profit in this year

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HÀ LONG

M.S.D.N: 0200344752-CTCP

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐỒ HỘP HÀ LONG
(HÀ LONG CANFOCO)

QUẢNG QUYỀN - TP. HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
KEK CHIN ANN

